



Milady's Standard Nail Technology

Nail Product Chemistry Simplified



“The pessimist sees difficulty in every opportunity. The optimist sees the opportunity in every Difficulty.”

— **Winston Churchill**
British politician



Objectives (*Các mục tiêu*)

- Understand the basic chemistry of nail salon products.
- *Hiểu rõ tính chất hóa học cơ bản của các sản phẩm trong tiệm làm móng.*
- Explain adhesion and how adhesives work.
- *Giải thích sự kết dính và chất kết dính hoạt động như thế nào.*
- Identify the two main categories of nail coatings.
- *Nhận biết hai loại chính của lớp phủ móng.*
- Describe the basic chemistry of all nail enhancements.
- *Mô tả tính chất hóa học cơ bản của toàn bộ việc đắp móng.*
- Describe the overexposure principle and its application to nail care products.
- *Mô tả các nguyên lý tiếp xúc quá nhiều và ứng dụng của nó cho các sản phẩm chăm sóc móng.*



Understanding Chemicals

(*Hiểu rõ các hóa chất*)

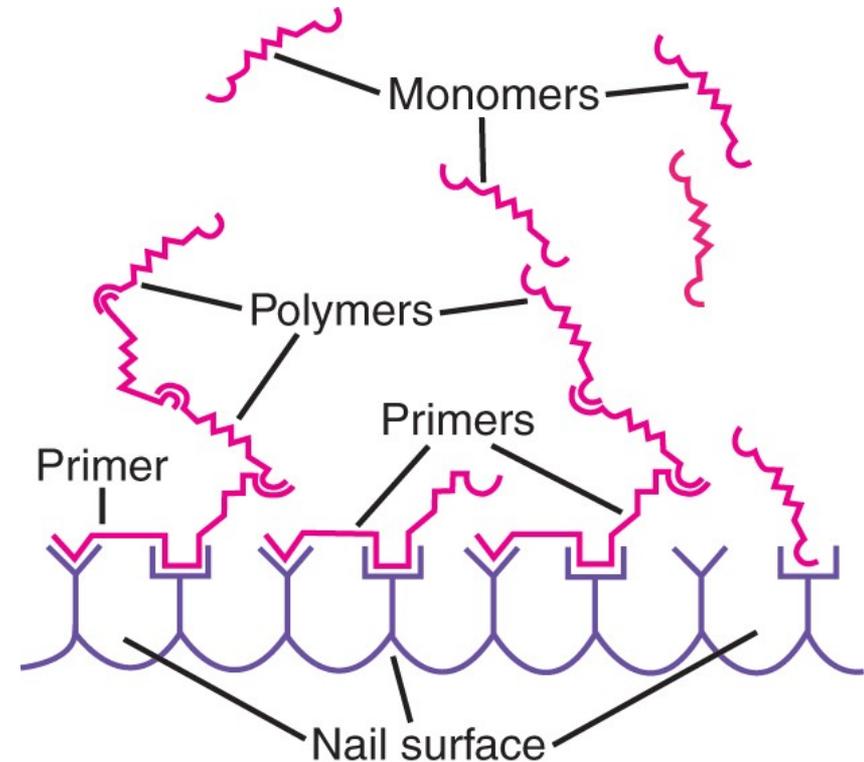
- Vapors: formed when liquids evaporate into air
- *Hơi nước: hình thành khi chất lỏng bay hơi vào không khí*
- Fumes: a mixture of soot-like particles and vapors
- *Khói: một hỗn hợp sinh ra bởi quá trình đốt cháy không hoàn toàn giống hơi nước*



Adhesion, Adhesives, and Primers

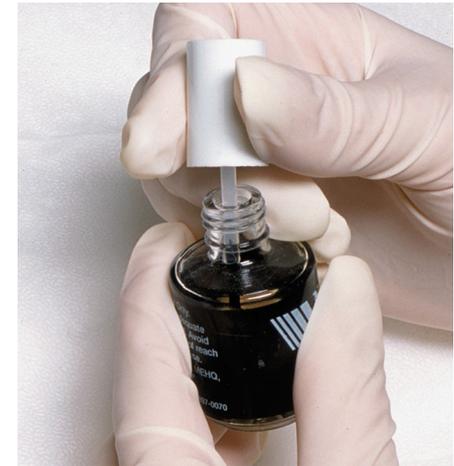
(*Độ bám dính, chất kết dính, và sơn lót kết dính*)

- Adhesives
- *Chất kết dính*
- Primers
- *Sơn lót kết dính*



Primers (*Sơn lót kết dính*)

- Base coat: helps polish adhere
- *Sơn nền: giúp chất sơn móng dính chặt*
- Acid-based: used under nail enhancements
- *Axit căn bản: sử dụng trong việc đắp móng*
- Nonacid: do not contain methacrylate
- *Không chứa axit: không chứa methacrylate*
- Acid-free: noncorrosive to skin
- *Không axit: không ăn mòn da*





A Clean Start (*Sự khởi đầu sạch sẽ*)

- Wash hands. (*rửa tay*)
- Scrub nail plate. (*chà rửa đĩa móng*)
- Remove oils and contaminants. (*loại bỏ dầu và chất gây ô nhiễm*)
- Remove bacteria. (*loại bỏ vi khuẩn*)
- Nail dehydrator. (*dùng chất làm khô móng*)
- Rough the nail plate. (*giũa đĩa móng*)

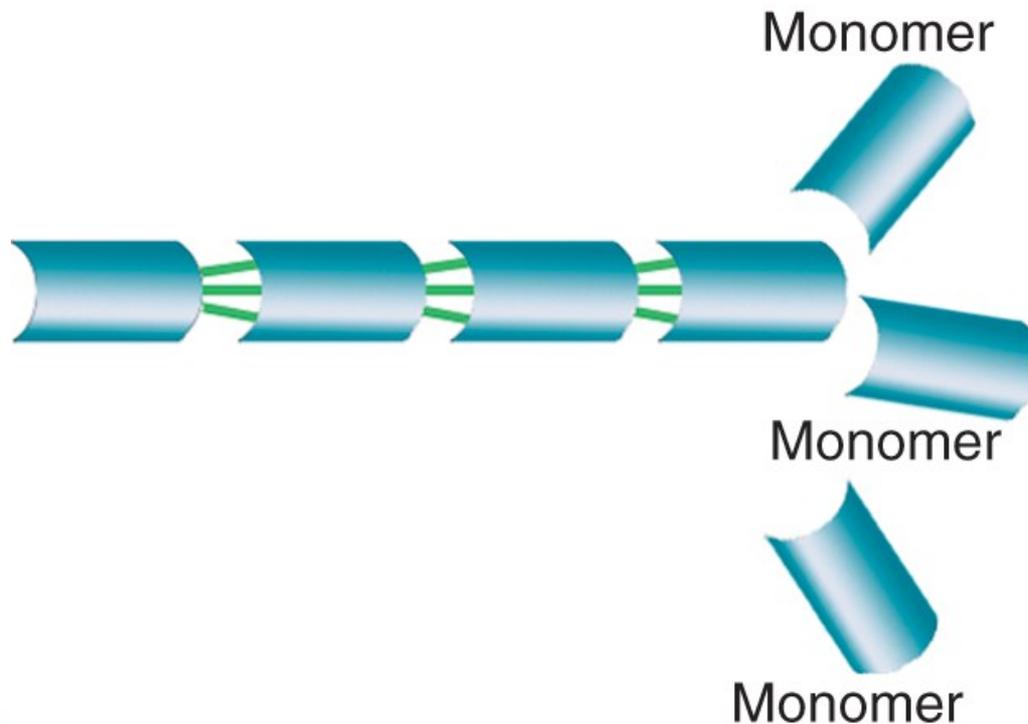


Fingernail Coatings and Types (*Các loại lớp phủ móng tay*)

- Coatings (*lớp phủ móng*)
 - Nail polish (*sơn móng*)
 - Top coats (*sơn phủ*)
 - Nail enhancements (*đắp móng*)
 - Adhesives (*chất kết dính*)
- Types (*các loại*)
 - Cure or polymerize (*chữa hoặc lưu hóa*)
 - Harden upon evaporation (*hóa cứng do sự bốc hơi*)

Monomers and Polymers (*Chất monome và polime*)

- Polymers (*polime*)
- Polymerization (*sự lưu hóa*)
- Monomers (*chất monome*)





Understanding Polymerization

(*Hiểu rõ sự lưu hóa*)



- Initiator (*chất khơi mào*)
- Catalyst (*chất xúc tác*)
- Oligomers (*chất Oligome*)



Simple vs. Cross-Linked Polymers

(*Liên kết đơn và liên kết ngang của polime*)

- Simple polymer chains
- *Các chuỗi polyme đơn*
- Cross-linked
- *Liên kết ngang*



Three Types of Acrylics (*Ba loại móng đắp*)



- Methacrylates
- Acrylates
- Cyanoacrylates



Reasons Not to Use MMA

(*Các lý do không được dùng MMA*)

Methyl methacrylate monomer

- Poor adhesion (*sự kết dính kém*)
- Rigid and difficult to break
- *Cứng và khó phá vỡ*
- Difficult to remove
- *Khó loại bỏ*
- Prohibited by most agencies
- *Bị cấm bởi hầu hết các cơ quan*



Evaporation Coatings (*Lớp phủ bốc hơi*)

- Base coats (*sơn nền*)
- Nail polishes (*sơn móng*)
- Top coats (*sơn phủ*)



False Claims (*Các câu nói sai*)

- No type of nail enhancement product is better for the nail plate than another.
- *Không có loại sản phẩm đắp móng nào tốt hơn cho đĩa móng hơn các loại khác.*
- The best thing for the natural nail plate is a highly trained and skilled nail technician.
- *Điều tốt nhất cho đĩa móng tự nhiên là một thợ làm móng được đào tạo và có tay nghề cao.*



Protect Yourself (*Bảo vệ bản thân*)

- Practice cleanliness.
- *Thực hành các biện pháp vệ sinh.*
- Avoid skin contact with enhancement products.
- *Tránh tiếp xúc da với các sản phẩm đắp móng.*



The Overexposure Principle (*Nguyên lý tiếp xúc quá nhiều*)

- All substances are toxic.
- *Tất cả các chất đều rất độc hại.*
- Overexposure determines toxicity.
- *Sự tiếp xúc quá nhiều quyết định mức độ độc tính.*



Summary and Review

(*Tóm tắt*)

- Can primers eat the nail plate? Explain.
- *Sơn lót kết dính có thể ăn mòn đĩa móng không? Giải thích.*
- Define monomers.
- *Định nghĩa chất monome.*
- What is one possible cause for an allergic reaction?
- *Một nguyên nhân có thể gây nên dị ứng là gì?*



Summary and Review, cont'd.

(Tóm tắt, tiếp)

- Give four reasons why MMA should not be used in the nail salon.
- *Nêu bốn lý do tại sao MMA không nên được sử dụng trong các tiệm làm móng.*
- What type of contact can cause a client to become allergic to products?
- *Loại tiếp xúc nào có thể khiến khách hàng bị dị ứng với các sản phẩm?*
- Explain what Paracelsus discovered.
- *Giải thích những gì mà Paracelsus đã phát hiện.*
- To which family of ingredients do all UV gels, monomer liquid/polymer powder, wraps, and adhesives belong?
- *Tất cả các gel UV, chất lỏng monome/bột polyme, keo dán, chất kết dính và thuộc về cái loại thành phần gì?*



Congratulations!

You have completed one unit of study toward course completion.